

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 63 /2024/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

THÔNG TƯ

Quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đối với các trường hợp sau đây:

a) Các trường hợp thu hồi Giấy phép theo quy định tại điểm a, c, d, đ, e khoản 1 Điều 36, khoản 2 Điều 202 Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Trường hợp giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 187 Luật Các tổ chức tín dụng;

c) Trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 202 Luật Các tổ chức tín dụng;

d) Trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 202 Luật Các tổ chức tín dụng;

đ) Trường hợp giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 4 Điều 202 Luật Các tổ chức tín dụng;

e) Trường hợp giải thể tổ chức tín dụng được can thiệp sớm theo quy định tại khoản 4 Điều 202 Luật Các tổ chức tín dụng;

g) Văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (sau đây gọi tắt là văn phòng đại diện nước ngoài) đề nghị chấm dứt hoạt động; văn phòng đại diện nước ngoài không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động.

2. Trường hợp tổ chức tín dụng tổ chức lại, hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tổ chức lại tổ chức tín dụng.

3. Trường hợp tổ chức tín dụng phá sản, việc thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản; việc thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng phá sản thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 203 Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Tổ chức tín dụng đã bị thu hồi Giấy phép trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành thuộc trường hợp giải thể theo quy định tại Điều 202 Luật Các tổ chức tín dụng thì thực hiện giải thể, thanh lý tài sản theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, quy định tại Thông tư này (trừ quy định về thu hồi Giấy phép) và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Tổ chức tín dụng không phát sinh hoạt động ngân hàng trong thời gian 12 tháng liên tục trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành thuộc trường hợp giải thể theo quy định tại Điều 202 Luật Các tổ chức tín dụng thì thực

hiện giải thể, thanh lý tài sản theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, quy định tại Thông tư này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tín dụng bao gồm:
 - a) Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã;
 - b) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
 - c) Tổ chức tài chính vi mô.
2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
3. Văn phòng đại diện nước ngoài.
4. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cấp có thẩm quyền quyết định* là cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng, ngân hàng mẹ, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng có thẩm quyền quyết định việc giải thể, chấm dứt hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng, ngân hàng mẹ, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng và phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
2. *Ngân hàng mẹ* là ngân hàng nước ngoài có chi nhánh tại Việt Nam.
3. *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh* là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài đặt trụ sở.
4. *Ủy ban nhân dân* là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài đặt trụ sở.
5. *Đơn vị quản lý, giám sát* là Đơn vị trực thuộc Ngân hàng Nhà nước có chức năng quản lý, giám sát các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
6. *Thời điểm đề nghị giải thể* là ngày, tháng, năm ghi trên văn bản đề nghị giải thể của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thu hồi Giấy phép

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi là Thống đốc) có thẩm quyền quyết định thu hồi Giấy phép đối với ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, tổ chức tài chính vi mô.

2. Thủ trưởng Đơn vị quản lý, giám sát có thẩm quyền quyết định thu hồi Giấy phép đối với:

- a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- b) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trừ chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

3. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có thẩm quyền quyết định thu hồi Giấy phép đối với:

- a) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo phân công của Thống đốc;
- b) Văn phòng đại diện nước ngoài đặt trụ sở trên địa bàn.

Điều 5. Nguyên tắc thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải xác định khả năng thanh toán nợ và nghĩa vụ tài sản khác trước và trong quá trình thanh lý tài sản, giải thể và thu hồi Giấy phép; tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tất toán số dư tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước trước khi Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép theo quy định tại Thông tư này.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài;
- b) Tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.

3. Việc giải thể tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của Thông tư này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản, nếu phát hiện tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, Ngân hàng Nhà nước quyết định chấm dứt thanh lý và thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại Mục 5 Chương X và Điều 203 Luật Các tổ chức tín dụng.

5. Trong quá trình thanh lý tài sản, nếu chi nhánh ngân hàng nước ngoài không có khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, ngân

hàng mẹ có nghĩa vụ thực hiện cam kết theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 6. Nguyên tắc lập hồ sơ

1. Hồ sơ đề nghị được lập 01 bộ bằng tiếng Việt. Thành phần hồ sơ của nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự, trừ các báo cáo tài chính được lập trực tiếp bằng tiếng Anh.

2. Thành phần hồ sơ của nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt. Các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật, trừ bản dịch báo cáo tài chính phải được xác nhận của tổ chức, cá nhân được phép hành nghề dịch thuật theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

4. Hồ sơ đề nghị phải do người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng hoặc người đại diện theo pháp luật của ngân hàng mẹ đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đối với văn phòng đại diện nước ngoài hoặc người đại diện theo ủy quyền ký; trường hợp ký theo ủy quyền, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu.

Điều 7. Các hành vi không được thực hiện trong quá trình thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc giải thể hoặc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc giải thể hoặc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh lý tài sản tùy theo thời điểm nào đến trước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, người quản lý, người điều hành, người lao động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được thực hiện các hoạt động, giao dịch liên quan đến tài sản, công nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau đây:

1. Cất giấu, tẩu tán tài sản.
2. Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ.

3. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
4. Cầm cố, thế chấp, tặng cho và cho thuê tài sản.
5. Ký kết thỏa thuận, hợp đồng mới trừ các thỏa thuận, hợp đồng nhằm thực hiện chấm dứt hoạt động.
6. Chuyển tiền, tài sản ra nước ngoài.

Chương II

THU HỒI GIẤY PHÉP, THANH LÝ TÀI SẢN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

Mục 1. THU HỒI GIẤY PHÉP

Điều 8. Thủ tục thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Thông tư này

1. Khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nhu cầu tự nguyện giải thể, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải:

a) Thuê doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá để thực hiện thẩm định giá tài sản, xác định giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật của năm liền kề trước năm đề nghị giải thể và quý gần nhất trước thời điểm đề nghị giải thể;

b) Xây dựng phương án thanh lý tài sản theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này và trên cơ sở kết quả thẩm định giá tài sản, xác định giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản này;

c) Lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước (Bộ phận Một cửa) hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (Bộ phận Một cửa) theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Hồ sơ đề nghị giải thể:

a) Văn bản đề nghị giải thể;

b) Phương án thanh lý tài sản đã được cấp có thẩm quyền quyết định thông qua, bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

(i) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(ii) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử của ngân hàng mẹ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài);

(iii) Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);

(iv) Danh sách thành viên Hội đồng thanh lý (tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc);

(v) Tóm tắt tình hình tài chính và hoạt động (giá trị thực vốn điều lệ, vốn được cấp; nợ xấu; tình hình công nợ, các khoản phải thu, phải trả bao gồm nội bảng và ngoại bảng) đến thời điểm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị giải thể; trong đó xác định rõ khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác;

(vi) Lý do đề nghị giải thể tự nguyện;

(vii) Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn;

(viii) Kế hoạch, biện pháp xử lý quyền lợi và nghĩa vụ, trong đó nêu rõ lộ trình thanh lý tài sản, phương án phân chia tài sản. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải nêu rõ kế hoạch chuyển vốn, lợi nhuận và tài sản ra nước ngoài;

(ix) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép;

(x) Kiến nghị, đề xuất (nếu có).

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc giải thể, phương án thanh lý tài sản. Trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị giải thể theo yêu cầu của ngân hàng mẹ, hồ sơ phải có văn bản của ngân hàng mẹ về việc giải thể, chấm dứt hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

d) Báo cáo kết quả thẩm định giá tài sản, xác định giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

đ) Báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài năm liền kề trước năm đề nghị giải thể được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật và báo cáo tài chính quý gần nhất trước thời điểm đề nghị giải thể. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị giải thể chưa có báo cáo tài chính năm được kiểm toán, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước

ngoài phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán độc lập phát hành báo cáo kiểm toán.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến:

a) Ủy ban nhân dân về quan điểm việc giải thể, thu hồi Giấy phép; ảnh hưởng của việc giải thể, thu hồi Giấy phép đối với sự ổn định chính trị, kinh tế, xã hội trên địa bàn;

b) Một số Bộ, ngành có liên quan về việc giải thể, thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép (nếu cần thiết).

4. Thời hạn lấy ý kiến quy định tại khoản 3 Điều này là 15 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn tham gia ý kiến quy định tại khoản 4 Điều này:

a) Trường hợp xét thấy phương án thanh lý tài sản chứng minh được khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc giải thể, trong đó có nội dung chấp thuận phương án thanh lý tài sản, yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập Hội đồng thanh lý, tiến hành thanh lý tài sản theo phương án thanh lý tài sản đã được chấp thuận; Ngân hàng Nhà nước thành lập Tổ giám sát thanh lý; hoặc

b) Trường hợp xét thấy phương án thanh lý tài sản không chứng minh được khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Ngân hàng Nhà nước có văn bản từ chối chấp thuận giải thể, trong đó nêu rõ lý do; hoặc

c) Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo, giải trình các nội dung có liên quan.

6. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu quy định tại điểm c khoản 5 Điều này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có báo cáo, giải trình gửi Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Thông tư này.

7. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 6 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc giải thể theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này hoặc có văn bản từ chối chấp thuận giải thể theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này.

8. Thanh lý tài sản:

a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thành lập Hội đồng thanh lý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày văn bản chấp thuận nguyên tắc giải thể có hiệu lực thi hành và tiến hành thanh lý tài sản theo quy định tại Mục 2 Chương này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc trường hợp chấm dứt thanh lý theo quy định tại Điều 17 Thông tư này, Hội đồng thanh lý có văn bản báo cáo kết quả thanh lý và đề nghị chấm dứt thanh lý (bao gồm cả đề nghị chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật) gửi Tổ giám sát thanh lý, Ủy ban nhân dân, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Thông tư này;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng thanh lý quy định tại điểm b khoản này, Tổ giám sát thanh lý có văn bản báo cáo kết quả thanh lý và đề nghị chấm dứt thanh lý (bao gồm cả đề nghị chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật) gửi Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Thông tư này;

d) Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản, nếu phát hiện tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Tổ giám sát thanh lý có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước kết quả thanh lý và đề nghị chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp chấm dứt thanh lý quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư này.

9. Thu hồi Giấy phép:

a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ giám sát thanh lý quy định tại điểm c, điểm d khoản 8 Điều này, Ngân hàng Nhà nước:

(i) Có quyết định chấm dứt thanh lý và quyết định thu hồi Giấy phép đối với trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Thông tư này; hoặc

(ii) Có quyết định chấm dứt thanh lý tổ chức tín dụng để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư này; hoặc

(iii) Có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo, giải trình các vấn đề cần làm rõ liên quan đến quá trình thanh lý tài sản (nếu có).

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu quy định tại điểm a(iii) khoản này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng

nước ngoài có báo cáo, giải trình gửi Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Thông tư này;

c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm b khoản này, Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định theo quy định tại điểm a(i) hoặc điểm a(ii) khoản này.

Điều 9. Thủ tục thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 1 Thông tư này

1. Ban kiểm soát đặc biệt yêu cầu tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt phối hợp với tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ xây dựng phương án thanh lý tài sản trình Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

2. Phương án thanh lý tài sản đã được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ thông qua, bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ;

b) Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ;

c) Danh sách thành viên Hội đồng thanh lý (tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc);

d) Tóm tắt tình hình tài chính và hoạt động (giá trị thực vốn điều lệ, vốn được cấp; nợ xấu; tình hình công nợ, các khoản phải thu, phải trả bao gồm nội bảng và ngoại bảng) của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đến thời điểm đề nghị tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ;

đ) Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;

e) Kế hoạch mua một phần hoặc toàn bộ tài sản, đồng thời nhận chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ nợ của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; lộ trình, cách thức mua tài sản, chuyển giao nghĩa vụ nợ; quyền, nghĩa vụ của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ; quyền, nghĩa vụ của bên thứ ba liên quan đến việc mua tài sản, chuyển giao nghĩa vụ nợ; biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ;

g) Kế hoạch, biện pháp xử lý quyền lợi và nghĩa vụ, trong đó nêu rõ lộ trình thanh lý tài sản, phương án phân chia tài sản;

h) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến quá trình giải thể, thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép;

i) Kiến nghị, đề xuất (nếu có).

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được phương án thanh lý quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, trong đó có nội dung chấp thuận phương án thanh lý, yêu cầu tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt tiến hành thanh lý tài sản; thành lập Hội đồng thanh lý, Tổ giám sát thanh lý.

4. Thanh lý tài sản:

a) Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt tiến hành thanh lý tài sản theo quy định tại Mục 2 Chương này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thuộc trường hợp chấm dứt thanh lý theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Thông tư này, Hội đồng thanh lý có văn bản báo cáo kết quả thanh lý và đề nghị chấm dứt thanh lý gửi Tổ giám sát thanh lý, Ủy ban nhân dân, Ngân hàng Nhà nước;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng thanh lý quy định tại điểm b khoản này, Tổ giám sát thanh lý có văn bản báo cáo kết quả thanh lý và đề nghị chấm dứt thanh lý gửi Ngân hàng Nhà nước.

5. Thu hồi Giấy phép:

a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ giám sát thanh lý quy định tại điểm c khoản 4 Điều này, Ngân hàng Nhà nước:

(i) Có quyết định chấm dứt thanh lý và quyết định thu hồi Giấy phép; hoặc

(ii) Có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt báo cáo, giải trình các vấn đề cần làm rõ liên quan đến quá trình thanh lý tài sản (nếu có);

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu quy định tại điểm a(ii) khoản này, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt có báo cáo, giải trình gửi Ngân hàng Nhà nước;

c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt quy định tại điểm b khoản này, Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định theo quy định tại điểm a(i) khoản này.

Điều 10. Thủ tục thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 1 Thông tư này

1. Tổ chức tín dụng được can thiệp sớm phối hợp với tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ xây dựng phương án thanh lý tài sản trình Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

2. Phương án thanh lý tài sản đã được cấp có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng được can thiệp sớm, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ thông qua, bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng được can thiệp sớm, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ;

b) Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng được can thiệp sớm, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ;

c) Danh sách thành viên Hội đồng thanh lý (tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc);

d) Tóm tắt tình hình tài chính và hoạt động (giá trị thực vốn điều lệ, vốn được cấp; nợ xấu; tình hình công nợ, các khoản phải thu, phải trả bao gồm nội bảng và ngoại bảng) của tổ chức tín dụng được can thiệp sớm đến thời điểm đề nghị tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ;

đ) Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn tổ chức tín dụng được can thiệp sớm;

e) Kế hoạch, lộ trình, cách thức chuyển giao nghĩa vụ nợ giữa tổ chức tín dụng được can thiệp sớm và tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ; quyền, nghĩa vụ của tổ chức tín dụng được can thiệp sớm và tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ; quyền, nghĩa vụ của bên thứ ba liên quan đến việc chuyển giao;

g) Kế hoạch, biện pháp xử lý quyền lợi và nghĩa vụ, trong đó nêu rõ lộ trình thanh lý tài sản, phương án phân chia tài sản;

h) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến quá trình giải thể, thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép;

i) Kiến nghị, đề xuất (nếu có).

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được phương án thanh lý quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc giải thể tổ chức tín dụng được can thiệp sớm, trong đó có nội dung

chấp thuận phương án thanh lý, yêu cầu tổ chức tín dụng được can thiệp sớm tiến hành thanh lý tài sản; thành lập Hội đồng thanh lý, Tổ giám sát thanh lý.

4. Việc thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Việc thu hồi Giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Thông tư này.

Điều 11. Thủ tục thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm a, b, c khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều 1 Thông tư này

1. Căn cứ kết luận thanh tra, kiểm tra hoặc kết quả hoạt động giám sát ngân hàng có nội dung về việc giải thể, thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc quyết định của Ngân hàng Nhà nước về giải thể tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt hoặc trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tiến hành thanh lý tài sản; Ngân hàng Nhà nước thành lập Hội đồng thanh lý, Tổ giám sát thanh lý.

2. Việc thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm b, c, d khoản 8 Điều 8, Mục 2 Chương II Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Việc thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 8 Thông tư này.

Điều 12. Công bố thông tin

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày văn bản chấp thuận nguyên tắc giải thể quy định tại điểm a khoản 5 Điều 8, khoản 3 Điều 9, khoản 3 Điều 10 Thông tư này, văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải công bố trên 01 phương tiện truyền thông của Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nếu có) và 01 tờ báo in hàng ngày trên toàn quốc trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc và phải niêm yết tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng, trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài các thông tin sau đây:

a) Số, ngày văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận nguyên tắc giải thể; số, ngày văn bản của Ngân hàng Nhà nước yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh lý tài sản;

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức tín dụng; tên, địa chỉ trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Số, ngày Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương;

d) Vốn điều lệ, vốn được cấp;

đ) Người đại diện theo pháp luật.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành:

a) Đối với trường hợp thu hồi Giấy phép theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm đăng trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước việc thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và gửi Quyết định thu hồi Giấy phép đến Ủy ban nhân dân, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh để phục vụ công tác quản lý nhà nước và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nếu có);

b) Đối với trường hợp thu hồi Giấy phép theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nếu có) việc thu hồi Giấy phép chi nhánh ngân hàng nước ngoài và gửi Quyết định thu hồi Giấy phép đến Ủy ban nhân dân, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Ngân hàng Nhà nước để phục vụ công tác quản lý nhà nước và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải công bố Quyết định thu hồi Giấy phép trên 01 tờ báo in hàng ngày trên toàn quốc trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc và phải niêm yết tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng; trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật về thuế, bảo hiểm xã hội và quy định khác của pháp luật liên quan để chấm dứt pháp nhân; chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tiến hành các thủ tục

pháp lý theo quy định của pháp luật về thuế, bảo hiểm xã hội và quy định khác của pháp luật có liên quan để chấm dứt hoạt động.

Điều 13. Thông báo thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh về việc thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kèm theo Quyết định thu hồi Giấy phép cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Mục 2. THANH LÝ TÀI SẢN

Điều 14. Thành phần, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thanh lý

1. Thành phần Hội đồng thanh lý tổ chức tín dụng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này:

a) Thành phần Hội đồng thanh lý bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên; tối thiểu 01 thành viên độc lập của Hội đồng quản trị (nếu có); Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng; một số thành viên khác trong số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát (nếu có); cổ đông lớn, chủ sở hữu, thành viên góp vốn và 05 khách hàng có số dư tiền gửi lớn nhất tại tổ chức tín dụng (trường hợp khách hàng đồng ý) tại thời điểm đề nghị giải thể. Tại thời điểm thành lập và trong quá trình hoạt động của Hội đồng thanh lý tổ chức tín dụng, trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, cấp có thẩm quyền quyết định lựa chọn một trong số các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thay thế tham gia Hội đồng thanh lý; trường hợp khuyết Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, cấp có thẩm quyền quyết định lựa chọn người thay thế tham gia Hội đồng thanh lý cho đến khi các chức danh này được bổ sung;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên là Chủ tịch Hội đồng thanh lý. Tại thời điểm thành lập và trong quá trình hoạt động của Hội đồng thanh lý tổ chức tín dụng, trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, người được cấp có thẩm quyền quyết định lựa chọn tham gia Hội đồng thanh lý thay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên theo quy định tại điểm a khoản này đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý;

c) Trường hợp tổ chức tín dụng có Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên mới thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên mới làm Chủ tịch Hội đồng thanh lý thay cho người đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý quy định tại điểm b khoản này.

2. Thành phần Hội đồng thanh lý tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt giải thể khi có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ:

a) Thành phần Hội đồng thanh lý bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ; tối thiểu 01 thành viên độc lập của Hội đồng quản trị (nếu có) của tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ; Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ; một số thành viên khác trong số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát (nếu có), thành viên Ban kiểm soát tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ; cổ đông lớn, chủ sở hữu, thành viên góp vốn và 05 khách hàng có số dư tiền gửi lớn nhất tại tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt (trường hợp khách hàng đồng ý) tại thời điểm đề nghị giải thể. Tại thời điểm thành lập và trong quá trình hoạt động của Hội đồng thanh lý, trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, cấp có thẩm quyền quyết định lựa chọn một trong số các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên thay thế tham gia Hội đồng thanh lý; trường hợp khuyết Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, cấp có thẩm quyền quyết định lựa chọn người thay thế tham gia Hội đồng thanh lý cho đến khi các chức danh này được bổ sung;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt là Chủ tịch Hội đồng thanh lý. Tại thời điểm thành lập và trong quá trình hoạt động của Hội đồng thanh lý, trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, người được cấp có thẩm quyền quyết định lựa chọn tham gia Hội đồng thanh lý thay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên theo quy định tại điểm a khoản này đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý;

c) Trường hợp tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên mới thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên mới làm Chủ tịch Hội đồng

thanh lý thay cho người đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý quy định tại điểm b khoản này.

3. Thành phần Hội đồng thanh lý chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

a) Hội đồng thanh lý bao gồm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, tối thiểu 01 thành viên do ngân hàng mẹ chỉ định và 05 khách hàng có số dư tiền gửi lớn nhất tại chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trường hợp khách hàng đồng ý) tại thời điểm đề nghị giải thể. Tại thời điểm thành lập và trong quá trình hoạt động của Hội đồng thanh lý chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trường hợp khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, cấp có thẩm quyền quyết định của ngân hàng mẹ lựa chọn người thay thế tham gia Hội đồng thanh lý cho đến khi các chức danh này được bổ sung;

b) Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là Chủ tịch Hội đồng thanh lý. Tại thời điểm thành lập và trong quá trình hoạt động của Hội đồng thanh lý chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trường hợp khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc), người được cấp có thẩm quyền quyết định của ngân hàng mẹ lựa chọn tham gia Hội đồng thanh lý thay cho Tổng giám đốc (Giám đốc) theo quy định tại điểm a khoản này đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý;

c) Trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài có Tổng giám đốc (Giám đốc) mới thì Tổng giám đốc (Giám đốc) mới làm Chủ tịch Hội đồng thanh lý thay cho người đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý quy định tại điểm b khoản này.

4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định Hội đồng thanh lý theo thành phần quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này đối với trường hợp thu hồi Giấy phép quy định tại Điều 8 Thông tư này.

5. Ngân hàng Nhà nước quyết định Hội đồng thanh lý tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với trường hợp thu hồi Giấy phép quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư này như sau:

a) Thành phần theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này trên cơ sở đề nghị của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hoặc

b) Thành phần khác do Ngân hàng Nhà nước quyết định trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không đề nghị thành phần theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thanh lý:

a) Được sử dụng con dấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong quá trình thanh lý tài sản tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật;

b) Rà soát toàn bộ các khoản mục của tài sản có và tài sản nợ, các khoản mục ngoại bảng của báo cáo tình hình tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, lập danh sách và số tiền của các chủ nợ, khách nợ đến thời điểm thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và danh mục tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để xử lý;

c) Thực hiện thanh lý tài sản theo quy định của Thông tư này, bao gồm cả việc phân chia tài sản theo quy định tại Điều 15 Thông tư này và quy định khác của pháp luật có liên quan, tìm mọi biện pháp để thu hồi nợ và các tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ trường hợp thanh lý tổ chức tín dụng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt giải thể khi có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ);

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc đầu tiên hằng tháng hoặc đột xuất, báo cáo Tổ giám sát thanh lý về tình hình thanh lý tài sản, phân chia tài sản và các vấn đề phát sinh khác;

đ) Chi phí liên quan đến hoạt động của Hội đồng thanh lý do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chi trả. Việc hạch toán chi phí phải tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành;

e) Hội đồng thanh lý kết thúc nhiệm vụ khi tổ chức tín dụng chấm dứt pháp nhân, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;

g) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Thông tư này.

Điều 15. Thứ tự phân chia tài sản

1. Việc phân chia tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo thứ tự sau đây:

a) Các khoản vay đặc biệt theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Các khoản lệ phí, chi phí thực hiện thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

d) Các khoản chi trả cho người gửi tiền;

đ) Các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước;

e) Các khoản nợ khác.

2. Trường hợp giá trị tài sản của tổ chức tín dụng sau khi đã thanh toán đủ các khoản theo quy định tại khoản 1 Điều này mà vẫn còn thì phần giá trị tài sản còn lại được chia cho các cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn theo tỷ lệ góp vốn tại thời điểm thực hiện việc phân chia tài sản.

3. Trường hợp giá trị tài sản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau khi đã thanh toán đủ các khoản theo quy định tại khoản 1 Điều này mà vẫn còn thì phần giá trị tài sản còn lại được thanh toán cho ngân hàng mẹ phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Thời hạn thanh lý

1. Thời hạn thanh lý là 12 tháng kể từ ngày văn bản chấp thuận nguyên tắc giải thể quy định tại khoản 5 Điều 8, khoản 3 Điều 9, khoản 3 Điều 10 Thông tư này, văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thanh lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này có hiệu lực thi hành. Thời hạn thanh lý có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá 12 tháng.

2. Trường hợp đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý, trước ngày kết thúc thời hạn thanh lý 45 ngày, Hội đồng thanh lý có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý (trong đó nêu rõ lý do) gửi Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Thông tư này. Trường hợp không thuộc trường hợp chấm dứt thanh lý theo quy định tại Điều 17 Thông tư này mà Hội đồng thanh lý không có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý, Tổ giám sát thanh lý xem xét có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý (trong đó nêu rõ lý do) gửi Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Thông tư này.

3. Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng thanh lý hoặc Tổ giám sát thanh lý quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý.

Điều 17. Các trường hợp chấm dứt thanh lý

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chấm dứt thanh lý trong các trường hợp sau đây:

1. Đã thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này.

2. Trường hợp hết thời hạn thanh lý, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này, trừ khoản tiền gửi của người gửi tiền chưa đến nhận và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có đủ tiền để thanh toán cho các khoản tiền gửi này, Hội đồng thanh lý tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải chuyển giao số tiền thanh toán cho các khoản tiền gửi chưa chi trả, danh sách người gửi tiền chưa chi trả cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh để quản lý, chi trả cho người gửi tiền và chấm dứt thanh lý.

3. Không có khả năng thanh toán hết nợ.

Mục 3. GIÁM SÁT THANH LÝ TÀI SẢN

Điều 18. Cơ cấu tổ chức của Tổ giám sát thanh lý

1. Ngân hàng Nhà nước quyết định thành lập Tổ giám sát thanh lý, chỉ định Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý, việc sử dụng con dấu của Tổ giám sát thanh lý, quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng và các thành viên Tổ giám sát thanh lý.

2. Tổ giám sát thanh lý có tối thiểu 05 thành viên đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư này bao gồm:

- a) Đại diện Ngân hàng Nhà nước;
- b) Đại diện của tổ chức tín dụng khác được chỉ định theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng đó (trường hợp Ngân hàng Nhà nước chỉ định một tổ chức tín dụng khác tham gia giám sát thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

Điều 19. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Tổ giám sát thanh lý

1. Có bằng Đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán và có ít nhất 03 năm công tác trong ngành ngân hàng hoặc bảo hiểm tiền gửi.

2. Không phải là cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng thanh lý của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thanh lý tài sản.

Điều 20. Cơ chế hoạt động của Tổ giám sát thanh lý

1. Các thành viên Tổ giám sát thanh lý làm việc theo cơ chế kiêm nhiệm.

2. Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý và các thành viên chịu trách nhiệm trước người ra quyết định thành lập Tổ Giám sát thanh lý về việc thực thi nhiệm vụ của mình.

3. Phiên họp của Tổ giám sát thanh lý chỉ được tiến hành khi có sự tham gia của ít nhất 2/3 tổng số thành viên. Các quyết định của Tổ giám sát thanh lý chỉ được thông qua khi có sự đồng ý của đa số thành viên có mặt tại cuộc họp. Trường hợp có số phiếu biểu quyết hợp lệ ngang nhau thì nội dung có phiếu biểu quyết tán thành của Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý là nội dung được thông qua.

4. Chi phí liên quan đến hoạt động của Tổ giám sát thanh lý do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chi trả. Việc hạch toán chi phí phải tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành.

5. Tổ giám sát thanh lý kết thúc nhiệm vụ khi Ngân hàng Nhà nước có quyết định chấm dứt thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 21. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ giám sát thanh lý

1. Chỉ đạo, giám sát tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kiểm kê toàn bộ công nợ, các khoản phải thu, phải trả; yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mời các chủ nợ, khách nợ đến đối chiếu để xác định khả năng thanh toán và nguồn trả nợ.

2. Yêu cầu Hội đồng thanh lý báo cáo, cung cấp tài liệu, thông tin về thực trạng tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong quá trình thanh lý tài sản, thực hiện việc chi trả cho các chủ nợ theo đúng thứ tự ưu tiên theo quy định tại Thông tư này.

3. Giám sát toàn bộ quá trình thanh lý tài sản theo quy định tại Thông tư này và quyết định thành lập Tổ giám sát thanh lý quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư này.

4. Trong thời hạn 10 ngày đầu tiên hằng tháng hoặc đột xuất, Tổ giám sát thanh lý lập báo cáo bằng văn bản giấy, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Thông tư này, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ủy ban nhân dân báo cáo về tình hình thanh lý tài sản, phân chia tài sản và các vấn đề phát sinh khác, đề xuất chấm dứt thanh lý (nếu có) theo Phụ lục Mẫu báo cáo giám sát thanh lý ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp cần thiết, có văn bản đề nghị các cơ quan liên quan hỗ trợ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thu hồi các khoản phải thu, xử lý các khách hàng cố tình làm thất thoát tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

5. Được quyền đề nghị Ngân hàng Nhà nước có quyết định đình chỉ hoạt động của thành viên Hội đồng thanh lý cổ ý vi phạm luật pháp luật hoặc không thực hiện theo kế hoạch thanh lý tài sản hoặc có hành vi tẩu tán tài sản, từ chối trách nhiệm, nghĩa vụ; trường hợp nghiêm trọng, trình Thống đốc có văn bản yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý các cá nhân sai phạm theo quy định của pháp luật (nếu có).

6. Kiến nghị Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban nhân dân xử lý những vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền.

7. Tổ giám sát thanh lý chịu sự chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước.

8. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Thông tư này.

Chương III

THU HỒI GIẤY PHÉP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI

Điều 22. Thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài

1. Đối với trường hợp văn phòng đại diện nước ngoài đề nghị chấm dứt hoạt động:

a) Văn phòng đại diện nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ và nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. Hồ sơ bao gồm:

(i) Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động, trong đó nêu rõ lý do đề nghị chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép của văn phòng đại diện nước ngoài, việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu sau khi thu hồi Giấy phép, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến quá trình chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép;

(ii) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài;

b) Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:

(i) Có quyết định thu hồi Giấy phép, yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài tiến hành thanh lý hợp đồng thuê trụ sở và thanh toán các nghĩa vụ, khoản nợ khác (nếu có) với các cá nhân, tổ chức có liên quan, tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động, đóng cửa văn phòng đại diện nước ngoài, hoàn trả Giấy đăng ký hoạt động, nộp con dấu theo quy định của pháp luật; hoặc

(ii) Có văn bản yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài báo cáo, giải trình các nội dung có liên quan (nếu có).

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày văn bản yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, văn phòng đại diện nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh báo cáo, giải trình quy định tại điểm b(ii) khoản này;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của văn phòng đại diện nước ngoài quy định tại điểm c khoản này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện theo quy định tại điểm b(i) khoản này.

2. Đối với trường hợp thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện theo quy định tại điểm b(i) khoản 1 Điều này.

3. Đối với văn phòng đại diện nước ngoài không đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn gửi hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài tiến hành thanh lý hợp đồng thuê trụ sở và thanh toán các nghĩa vụ, khoản nợ khác (nếu có) với các cá nhân, tổ chức có liên quan, tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động, đóng cửa văn phòng đại diện nước ngoài, hoàn trả Giấy đăng ký hoạt động, nộp con dấu theo quy định của pháp luật.

4. Đối với văn phòng đại diện nước ngoài đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận bằng văn bản, tại văn bản trả lời văn phòng đại diện nước ngoài về việc không chấp thuận gia hạn thời hạn hoạt động, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài tiến hành thanh lý hợp đồng thuê trụ sở và thanh toán các nghĩa vụ, khoản nợ khác (nếu có) với các cá nhân, tổ chức có liên quan, tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động, đóng cửa văn phòng đại diện nước ngoài, hoàn trả Giấy đăng ký hoạt động, nộp con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Công bố thông tin về việc thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nếu có) việc thu hồi Giấy phép của văn phòng đại diện nước ngoài và gửi Quyết định thu hồi Giấy phép đến Ủy ban nhân dân, văn phòng đại diện nước ngoài và Ngân hàng Nhà nước để phục vụ công tác quản lý nhà nước và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, văn phòng đại diện nước ngoài phải công bố Quyết định thu hồi Giấy phép trên 01 tờ báo in hằng ngày trên toàn quốc trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam trong thời hạn 07 ngày làm việc và phải niêm yết tại trụ sở văn phòng đại diện nước ngoài.

3. Đối với văn phòng đại diện nước ngoài không đề nghị gia hạn thời hạn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận bằng văn bản, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy phép hết hiệu lực, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nếu có) việc hết thời hạn hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài và có văn bản thông báo về việc hết thời hạn hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài gửi Ủy ban nhân dân và Ngân hàng Nhà nước để phục vụ công tác quản lý nhà nước và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 24. Thông báo thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh về việc thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc thu hồi Giấy phép kèm theo Quyết định thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi văn phòng đại diện nước ngoài đặt trụ sở để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực thực trạng về tổ chức và hoạt động tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài; thực hiện chế độ báo cáo và các quy định của pháp luật có liên quan việc giải thể, thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép theo đúng quy định tại Thông tư này.

2. Đơn vị quản lý, giám sát có trách nhiệm:

a) Đầu mối tiếp nhận, thẩm định hồ sơ theo thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư;

b) Đối với trường hợp quy định tại Điều 8 Thông tư này, có văn bản gửi lấy ý kiến hoặc trình Thống đốc có văn bản gửi lấy ý kiến theo thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư này:

(i) Ủy ban nhân dân, một số Bộ, ngành theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này;

(ii) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về thực trạng tổ chức, hoạt động, khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác; quan điểm về việc giải thể, thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép, kiến nghị các biện pháp xử lý liên quan đến giải thể, thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép; ảnh hưởng của việc giải thể, thu hồi Giấy phép đối với sự an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn;

(iii) Một số đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có liên quan về việc giải thể, thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép (nếu cần thiết).

c) Trình Thống đốc xem xét, quyết định các nội dung về giải thể, thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này; quyết định các nội dung về giải thể, thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này;

d) Trình Thống đốc quyết định thu hồi Giấy phép hoặc quyết định thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng phá sản quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư này theo thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư này;

đ) Xử lý các kiến nghị liên quan đến quá trình giải thể, thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư này ngoài thẩm quyền của Tổ giám sát thanh lý; trình Thống đốc xem xét, xử lý các vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền liên quan đến quá trình giải thể, thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

e) Thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;

g) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, Đơn vị quản lý, giám sát có văn bản đề nghị hủy mã ngân hàng gửi Cục Công nghệ thông tin.

3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm:

a) Đầu mối tiếp nhận, thẩm định hồ sơ theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này;

b) Đối với trường hợp quy định tại Điều 8 Thông tư này, có văn bản gửi lấy ý kiến hoặc trình Thống đốc có văn bản gửi lấy ý kiến theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này:

(i) Ủy ban nhân dân, một số Bộ, ngành theo quy định khoản 3 Điều 8 Thông tư này;

(ii) Một số đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có liên quan về việc giải thể, thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép (nếu cần thiết).

c) Quyết định các nội dung về giải thể, thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này;

d) Xử lý các kiến nghị liên quan đến quá trình giải thể, thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này ngoài thẩm quyền của Tổ giám sát thanh lý; cử đại diện tham gia Tổ giám sát thanh lý đối với trường hợp thu hồi Giấy phép quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư này khi có đề nghị; trình Thống đốc xem xét, xử lý các vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quá trình thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài;

đ) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đơn vị quản lý, giám sát có văn bản đề nghị theo quy định tại điểm b(ii) khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có ý kiến gửi Đơn vị quản lý, giám sát;

e) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm phối hợp với Đơn vị quản lý, giám sát trong việc giải thể, thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

g) Thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định tại Điều 13, Điều 24 Thông tư này;

h) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản đề nghị hủy mã ngân hàng gửi Cục Công nghệ thông tin.

4. Các Vụ, Cục, đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm tham gia ý kiến theo đề nghị của Đơn vị quản lý, giám sát, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định.

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 02 năm 2025.
2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các quy định sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 24/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng;

b) Khoản 7 Điều 1, khoản 5 Điều 2 Thông tư số 14/2019/TT-NHNN ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước;

c) Thông tư số 11/2020/TT-NHNN ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này. /

Nơi nhận:

- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Cổng Thông tin điện tử NHNN;
- Công báo;
- Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã;
- Tổ chức tín dụng phi ngân hàng;
- Tổ chức tài chính vi mô;
- Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Văn phòng đại diện nước ngoài;
- Lưu: VP, Vụ PC, TTGSNH6 (03 bản). /

THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC



Đoàn Thái Sơn

Phụ lục

MẪU BÁO CÁO GIÁM SÁT THANH LÝ TÀI SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2024/TT-NHNN ngày 31/12/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng)

TỔ GIÁM SÁT THANH LÝ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO GIÁM SÁT THANH LÝ TÀI SẢN THÁNG...../.....

- I. Tình hình thanh lý tài sản, phân chia tài sản và các vấn đề phát sinh khác.
- II. Khó khăn, vướng mắc (nếu có).
- III. Ý kiến đề xuất.

TỔ TRƯỞNG TỔ GIÁM SÁT THANH LÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



